

**DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2025**  
**VỐN TRUNG ƯƠNG**

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

[illegible]

DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2025  
VÓN TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
I	Thành phố Cao Lãnh	1,0000	0,0000	1,0000	0,0187	0,9185	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0628	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Dự án Xử lý sạt lở bờ sông Tiền khu vực An Lạc, thành phố Hồng Ngự và khu vực Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	1,0000		1,0000	0,0187	0,9185					0,0628								xã Tịnh Thới	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 5030/QĐ-BNN-KH ngày 26/12/2022 của Bộ NN & PTNT		
II	Thành phố Sa Đéc	1,4502	0,0000	1,4502	0,3038	0,6598	0,0000	0,0000	0,0000	0,2974	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,1892				
1	Đường giao thông kết nối đường Nguyễn Văn Phát và đường Nguyễn Văn Phối.	1,4502		1,4502	0,3038	0,6598				0,2974								0,1892	phường 1	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 84/QĐ-UBND-XDCB ngày 17/06/2024 của UBND thành phố Sa Đéc		
III	Thành phố Hồng Ngự	1,8000	0,8000	1,0000	1,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Trường TH-THCS An Lạc (XD sau này tách cấp 2 là trường TH An Lạc)	1,8000	0,8000	1,0000	1,0000														phường An Lạc	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND thành phố Hồng Ngự		
IV	Huyện Tháp Mười	0,0866	0,0000	0,0866	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0312	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0554	0,0000	0,0000				
1	Trường tiểu học Trường Xuân 1	0,0866		0,0866							0,0312					0,0554			xã Trường Xuân	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 8125/QĐ-UBND ngày 23/11/2023 của UBND huyện Tháp Mười		
Tổng		4,3368	0,8000	3,5368	1,3225	1,5783	0,0000	0,0000	0,0000	0,2974	0,0940	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0554	0,0000	0,1892				

DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2025  
VỐN HUYỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
I	Huyện Thanh Bình	5,0927	0,4543	4,6384	2,2404	0,7892	0,0000	0,0000	0,3034	0,2200	1,0673	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0182	0,0000	0,0000				
1	Trường Mẫu giáo Tân Phú (điểm chính)	0,6510		0,6510	0,3476				0,3034										xã Tân Phú	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 460/QĐ-UBND.HC ngày 27/9/2021 của UBND huyện Thanh Bình		
2	Trường Tiểu học Tân Thạnh 2	1,1000		1,1000	0,9000	0,2000													xã Tân Thạnh	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 454/QĐ-UBND.HC ngày 27/9/2021 của UBND huyện Thanh Bình		
3	Dự án Vụ thám sát Bình Thành	1,0043	0,4543	0,5500		0,3300				0,2200									Thị trấn Thanh Bình	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 215/QĐ-UBND.HC ngày 29/8/2024 của UBND huyện Thanh Bình		
4	Công trình Cứng hóa bờ bao bảo vệ sản xuất đường kênh Đốc Vàng Hạ bờ Tây (đoạn từ kênh An Phong - Mỹ Hòa đến kênh Ruột Ngựa)	0,7250		0,7250	0,6598	0,0218					0,0435								xã Tân Mỹ	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 253/QĐ-UBND.HC ngày 02/10/2024 của UBND huyện Thanh Bình		
5	Đường kênh Kháng chiến bờ bắc (đoạn từ cầu Cà Tre đến cầu Kháng Chiến)	1,6124		1,6124	0,3330	0,2374					1,0238					0,0182			xã Tân Mỹ	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 115/QĐ-UBND.HC ngày 09/5/2024 của UBND huyện Thanh Bình		
II	Huyện Tam Nông	0,6500	0,0000	0,6500	0,5100	0,0200	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,1200	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Đường kết nối khu dân cư An Long đến Nhà máy xử lý nước thải	0,6500		0,6500	0,5100	0,0200					0,1200								xã An Long	Quyết định số 575/QĐ-UBND-HC ngày 13/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án Đường kết nối khu dân cư An Long đến Nhà máy xử lý nước thải.		
III	Thành phố Cao Lãnh	13,5000	2,9130	10,5870	5,0900	4,1170	0,2000	0,0000	0,4800	0,1600	0,5200	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0200				
1	Đường Nguyễn Thị Lựu (đoạn từ đường Cái Tôm đến Bến đò Hòa An - Tân Thuận Đông)	1,4000	0,1000	1,3000	0,6000	0,5000			0,0800		0,1000							0,0200	xã Hòa An	Quyết định số 372//QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của UBND TPCL phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án		
2	Mở rộng Cụm dân cư Xẻo Bèo (giai đoạn 1)	3,8500	0,0100	3,8400	1,9900	1,2000	0,2000		0,4000		0,0500								xã Hòa An	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 15/7/2024 của HĐND TPCL về việc chủ trương đầu tư dự án		
3	Khu Dân cư Tịnh Long (giai đoạn 1)	4,5000	1,0000	3,5000	2,1000	1,2000					0,2000								xã Tịnh Thới	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 15/7/2024 của HĐND TPCL về việc chủ trương đầu tư dự án		

[illegible]

Số TT	Hạng mục	Diện tích kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm															Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú		
				Diện tích	Sử dụng từ các loại đất																	
					Đất lúa	Đất trồng cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất rừng sản xuất	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	Đất sản xuất kinh doanh	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất cơ sở TDTT	Đất giáo dục	Đất y tế	Đất phi nông nghiệp khác				
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)=(6)+(7)+... (19)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)		
1	Khu dân cư An Khánh	1,2550		1,2550	0,7600	0,2550						0,1420						0,0980	xã An Khánh	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND huyện Châu Thành		
VIII	Huyện Tân Hồng	0,9009	0,0000	0,9009	0,5639	0,0149	0,0617	0,0000	0,0000	0,2604	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000	0,0000				
1	Dự án nâng cấp bờ bao kênh Tân Công Chí (đoạn nhà ông Tư Điền)	0,5600		0,5600	0,5600														xã Tân Công Chí	Phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 192/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng		
2	Dự án nâng cấp mở rộng đường Lê Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Trần Văn Thê)	0,3409		0,3409	0,0039	0,0149	0,0617			0,2604									thị trấn Sa rài	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 212/QĐ-UBND.ĐTXD ngày 28/11/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng		
Tổng		36,9032	3,3673	33,5359	16,0175	9,7983	1,3893	0,0000	1,6729	1,0198	2,0777	0,1420	0,0795	0,0000	0,0000	0,0182	0,0000	1,3208				

**DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2025**  
**NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN CÙNG LÀM**

(Kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: ha

[illegible]